

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Phí Văn Hạnh*

Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là sự phát triển nông nghiệp đáp ứng được những yêu cầu hiện tại mà không gây ảnh hưởng hay trở ngại cho việc đáp ứng yêu cầu của các thế hệ sau. Đó là nhu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong tiến trình lịch sử xã hội. Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước ta. Đại hội Đảng X khẳng định: *"Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển"*¹. Quan điểm đó tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội Đảng XI: *"Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng, hiệu quả, bền vững"*². Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, Chính phủ đã ban hành Định hướng chiến lược phát

triển bền vững ở Việt Nam.

1. Đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ dưới góc độ phát triển bền vững

Với diện tích tự nhiên là 15.289 km², bằng 4,6 % diện tích tự nhiên của cả nước, vùng đồng bằng Bắc Bộ có vị trí, vai trò trọng yếu về chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng của cả nước. Những năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, khu vực đồng bằng Bắc Bộ đã có mức tăng trưởng khá cao về kinh tế, xã hội; của cải vật chất được sản xuất ra nhiều hơn đã thỏa mãn tốt hơn nhu cầu vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; chất lượng y tế, giáo dục cũng được nâng lên.

Bảng 1: Số xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia tại vùng đồng bằng Bắc Bộ tại thời điểm 1/7/2011

	Xã có trạm y tế		Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế		Thôn có cán bộ y tế thôn	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
CẢ NƯỚC	9 016	99,4	7 055	77,8	76 155	94,2
Đồng bằng Bắc Bộ	1 944	100,0	1 736	89,3	14 360	94,3
Hà Nội	401	100,0	369	92,0	2 366	93,1
Vĩnh Phúc	112	100,0	112	100,0	1 033	94,8
Bắc Ninh	100	100,0	100	100,0	553	99,3
Quảng Ninh	127	100,0	123	96,9	1 000	98,5

* Phí Văn Hạnh, Thạc sỹ kinh tế, Giảng viên Học viện chính trị.

¹ Đảng cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 185

² Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 113

	Xã có trạm y tế		Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế		Thôn có cán bộ y tế thôn	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hải Dương	229	100,0	202	88,2	1 047	96,0
Hưng Yên	145	100,0	120	82,8	762	99,2
Hải Phòng	143	100,0	130	90,9	744	65,8
Thái Bình	267	100,0	200	74,9	1 574	97,8
Hà Nam	103	100,0	95	92,2	1 091	97,1
Nam Định	194	100,0	179	92,3	2 831	96,3
Ninh Bình	123	100,0	106	86,2	1 359	99,8
Tây Nguyên	597	99,8	354	59,2	5 525	91,0
Đông Nam Bộ	479	100,0	441	92,1	2 693	89,6
Đồng bằng Sông Cửu Long	1 291	99,1	1 111	85,3	7 066	81,7

Bảng 2: Vốn tích lũy bình quân hộ nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ so với các khu vực khác trong nước

Đơn vị tính: Nghìn đồng

	Vốn tích lũy thời điểm 1/7/2006		Vốn tích lũy thời điểm 1/7/2006		So sánh	
	Tổng số	Tiền kim loại quý	Tổng số	Tiền kim loại quý	Tổng số	Tiền kim loại quý
Cả nước	4 783,9	4 015,5	12 503,9	10 583,5	2,6	2,6
Đồng bằng Bắc Bộ	5 184,4	4 192,9	15 456,8	12 054,7	3,0	2,9
Trung du và miền núi phía Bắc	2 879,0	2 274,5	6 461,1	5 084,4	2,2	2,2
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	3 838,8	3 092,5	9 654,4	8 138,2	2,5	2,6
Tây Nguyên	4 298,2	3 704,2	13 647,3	11 821,6	3,2	3,2
Đông Nam Bộ	8 287,6	7 578,7	26 785,3	24 567,5	3,2	3,2
Đồng bằng sông Cửu Long	6 394,1	5 614,0	17 866,9	15 801,7	2,8	2,8

Nguồn: Ban Chỉ đạo tổng điều tra nông nghiệp và thủy sản Trung ương 2011- Báo cáo kết quả tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2011.

Tuy nhiên, quá trình phát triển ở đồng bằng Bắc Bộ đã kéo theo hệ lụy làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân, suy giảm đa dạng sinh học, mất cân bằng sinh thái, gia tăng bệnh hiểm nghèo, tăng nguy cơ đe dọa an ninh kinh tế, an ninh xã hội, chất lượng cuộc sống hiện tại và tương

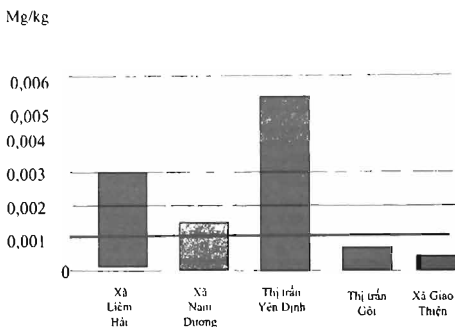
lai... Theo Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), hiện nay cả nước có 16.700 trang trại chăn nuôi, tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng (45%) và Đông Nam bộ (13%). Tổng đàn gia súc với 37,8 triệu con và trên 214 triệu con gia cầm tạo ra một khối lượng chất thải rất lớn.

Trong đó, lượng phân thải của bò khoảng 10-15kg/con/ngày, trâu là 15-20kg/con/ngày, lợn là 2,5-3,5kg/con/ngày và gia cầm là 90gr/con/ngày. Tính ra tổng khối lượng chất thải trong chăn nuôi của nước ta hiện hơn 73 triệu tấn/năm.

Việc sử dụng phân bón hóa học không cân đối, không đúng lúc đối với cây trồng, cùng với một lượng lớn phân bón hàng năm bị rửa trôi hoặc bay hơi - là những tác nhân gây ô nhiễm đất, nguồn nước, không khí đã làm xấu đi môi trường sản

xuất nông nghiệp và môi trường sống. Hiện tượng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ dịch hại và không tuân thủ các quy trình kỹ thuật, không đủ thời gian cách ly của từng loại thuốc đã dẫn đến nhiều trường hợp bị ngộ độc thực phẩm, mất an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng ruộng bị ô nhiễm. Một số nơi dư lượng thuốc bảo vệ thực vật có trong đất đã xấp xỉ bằng hoặc vượt ngưỡng giá trị cho phép theo QCVN 15: 2008/ BTNMT (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1: Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất ở một số khu vực tỉnh Nam Định



Nguồn: Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010.

Trong nuôi trồng thủy sản cũng đang gặp phải vấn đề tương tự. Việc đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, tăng năng suất tại các vùng nuôi tôm tập trung, trong đó chủ yếu là tôm sú, đã làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước. Cùng với đó, tình trạng sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong trồng trọt một cách tràn lan, không có kiểm soát đã gây ô nhiễm môi trường đất, nước. Theo ước tính, hàng năm có khoảng 60 - 65% lượng phân đạm không được hấp thụ tác động tiêu cực đến

hệ sinh thái nông nghiệp như làm chai cứng đất, ô nhiễm nguồn nước và có thể gây đột biến gen một số loại cây trồng.

Trên thực tế, lượng nước sử dụng trong trồng trọt là nhiều nhất, chiếm tới 84 % tổng lượng nước được sử dụng, trong khi nước sử dụng cho công nghiệp là 7%, dịch vụ và du lịch 3%, nước cho sinh hoạt 2%, nuôi trồng thủy sản 4%. Việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật và phân bón trong sản xuất nông nghiệp

bất hợp lý là nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm nguồn nước. Trung bình có đến 20% - 30 % phân bón và thuốc bảo vệ thực vật không được cây trồng tiếp nhận sẽ theo nước mưa và nước tưới trong quá

trình rửa trôi đi vào nguồn nước mặt và tích lũy trong đất, nước ngầm dưới dạng dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Đây là hiện tượng phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Bảng 3: Hàm lượng trung bình và các thông số ô nhiễm nguồn nước, đất ở Đồng bằng Bắc Bộ so sánh với các khu vực

	Mg	As	Cr	Se	Hg	NH ₄ ⁺
Chỉ số cho phép	0,5	0,05	0,05	0,01	0,001	0,1
Vùng đồng bằng Bắc Bộ	0,68	0,024	0,01	0,01	0,01	8,70
Vùng đồng bằng Nam Bộ	0,58	0,002	0,008			0,51
Tây Nguyên	0,18	0,001	-	-	0,001	0,05

Nguồn: Bộ Tài nguyên môi trường - Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010

2. Phương hướng phát triển nông nghiệp đồng bằng Bắc Bộ theo hướng bền vững

Để phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ theo hướng bền vững cần giải quyết những vấn đề sau đây:

- Xác định rõ mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, đó là: đạt được sự đầy đủ về vật chất; giàu có về văn hóa, tinh thần; bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội; sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội và mục tiêu môi trường.

Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là phát triển với cơ cấu kinh tế hợp lý, tăng trưởng ổn định, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ; cân đối giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế với việc sử dụng các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên; hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt chú trọng công nghệ sạch, nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được nạn ô nhiễm môi trường mà các thế hệ hiện tại và tương lai phải gánh chịu.

- Xác định chiến lược hợp lý về phát triển nông nghiệp hàng hóa hiện đại đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tập trung đầu tư phát triển khu vực đồng bằng Bắc Bộ thành vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng lên của dân cư (do thu nhập được cải thiện) về: lương thực, thực phẩm chất lượng cao hơn, vệ sinh, an toàn hơn. Phát triển nông nghiệp trở thành một ngành kinh tế thu hút nhiều đầu tư, áp dụng công nghệ cao, có năng suất lao động cao, lao động có kiến thức và trình độ kỹ thuật. Phát triển đồng bộ hệ thống các nhà máy chế biến với công nghệ cao gắn chặt với các vùng nguyên liệu nông nghiệp. Phát triển hệ thống nhà máy sản xuất nông cụ, vật tư nông nghiệp và hàng hoá phục vụ nông nghiệp, nông thôn thông qua những kênh phân phối đến tận địa bàn thôn xã.

Hình thành các vùng chuyên canh lúa có quy mô sản xuất lớn, vừa với khả năng cơ giới hoá. Xây dựng hệ thống nhà kho lớn gắn với các cơ sở hạ tầng phục vụ tiếp thị như sàn giao dịch, nhà máy chế biến, bến cảng xuất khẩu tại chỗ. Tận dụng lợi thế về cây ăn quả nổi tiếng với nhiều đặc sản như nhãn lồng Hưng Yên,

chuối ngự Đại Hoàng Hà Nam, cam Thanh Hà, bưởi Diễn... để đa dạng hóa và thương mại hóa nông nghiệp. Tập trung đầu tư cải tạo vườn tạp, duy trì các giống đặc sản, phát triển cây ăn quả gắn chặt với công nghiệp chế biến, đóng gói, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ và dịch vụ du lịch.

Đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ nông nghiệp và kinh tế nông thôn một cách hiệu quả và bền vững. Coi trọng đầu tư hệ thống giao thông đường bộ. Quy hoạch các khu sản xuất chăn nuôi tập trung quy mô lớn nằm ngoài các khu dân cư cho phép phát triển kinh tế trang trại, gia trại, đảm bảo vừa sản xuất hàng hoá lớn, vừa an toàn dịch bệnh. Xử lý tốt chất thải của vật nuôi theo chu trình khép kín và hài hoà: chất thải được sử dụng làm phân bón và năng lượng phục vụ sản xuất trồng trọt; phụ phẩm và sản phẩm của trồng trọt được dùng làm thức ăn gia súc. Tận dụng lợi thế về sản xuất nông nghiệp và sinh kế nông thôn hài hòa với thiên nhiên, tránh thay đổi điều kiện tự nhiên để đối phó với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò bảo vệ sinh thái và môi trường, ngăn lũ, ém phèn, chặn bão, lấn đất,... của hai loại rừng đã được thực tế chứng minh gồm: rừng tràm trên đất

phèn ngập nước theo mùa và rừng ngập mặn ven biển ở đồng bằng Bắc Bộ.

Với thực tế trên đây của đồng bằng Bắc Bộ, cần xem xét lại phương thức phát triển kinh tế, xã hội cũng như hành vi ứng xử với thiên nhiên theo hướng kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là sự lựa chọn tối ưu, là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển nông nghiệp hiện nay của đồng bằng Bắc Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương (2011), Báo cáo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường quốc gia. Báo cáo môi trường quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Niên giám thống kê 2010, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- <http://www.vaas.org.vn>